

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG CÔNG NGHỆ XANH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG CÔNG NGHỆ XANH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109541180

3. Ngày thành lập: 08/03/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Đội 3, Xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0978170286

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
2.	Thu gom rác thải độc hại	3812
3.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
4.	Tái chế phế liệu	3830
5.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
6.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
7.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
8.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
9.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ Chi tiết: - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực kỹ thuật môi trường - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực công nghệ sinh học môi trường - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực công nghệ sinh học công nghiệp - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực công nghệ nano	7212

10.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp Chi tiết: - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực trồng trọt - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực thủy sản - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực công nghệ sinh học trong nông nghiệp - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp khác - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực chăn nuôi - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực thú y	7214
11.	Xây dựng công trình điện	4221
12.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
13.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
14.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
15.	Xây dựng nhà để ở	4101(Chính)
16.	Xây dựng nhà không để ở	4102
17.	Xây dựng công trình thủy	4291
18.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
19.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
20.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
21.	Phá dỡ	4311
22.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
23.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
24.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
25.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
26.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
27.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
28.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
29.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi; - Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; - Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp; - bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường	4659
30.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512

31.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
32.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
33.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
34.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ bán buôn vàng, bạc và kim loại quý khác)	4662
35.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hóa chất công nghiệp như: anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hóa học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh...	4669
36.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
37.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế quy hoạch xây dựng(Khoản 7 Điều 1 Nghị định 100/2018 về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng) - Thiết kế xây dựng công trình(Khoản 8 Điều 1 Nghị định 100/2018 về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng) bao gồm: + Thiết kế kiến trúc công trình + Thiết kế kết cấu công trình dân dụng-công nghiệp +Thiết kế cơ-điện công trình + Thiết kế cấp-thoát nước công trình + Thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật- Giám sát thi công xây dựng (Khoản 9 Điều 1 Nghị định 100/2018 về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ xây dựng) - Tư vấn đấu thầu (Nghị định 63/2014/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư về lựa chọn nhà thầu)	7110
38.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
39.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
40.	Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung	2815
41.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
42.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
43.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
44.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819

45.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
46.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
47.	Khai thác muối	0893
48.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
49.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ giường tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
50.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
51.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
52.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
53.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
54.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
55.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
56.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
57.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
58.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
59.	Xây dựng công trình đường bộ	4212

6. Vốn điều lệ: 9.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 90.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ HÀ	Số 23, tổ 11 Hùng Vương, Phường Hùng Vương, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	22.500	2.250.000.000	25,000	0261570014 17	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	22.500	2.250.000.000	25,000		
2	NGUYỄN HỮU ĐOAN	Số 203A1 tổ 28, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	22.500	2.250.000.000	25,000	0010630012 46	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	22.500	2.250.000.000	25,000		

3	BÙI THỊ LAN ANH	Xóm Chẽ, Thị trấn Phồn Xương, Huyện Yên Thế, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	45.000	4.500.000.000	50,000	121352743
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	45.000	4.500.000.000	50,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ HÀ

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 18/04/1957

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 026157001417

Ngày cấp: 09/05/2019

Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 23, tổ 11 Hùng Vương, Phường Hùng Vương, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 23, tổ 11 Hùng Vương, Phường Hùng Vương, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội